TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30/12/2020

V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUANG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà* : Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thanh Đình;

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Văn Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 394/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, phường N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi ở hiện nay: Đội 2, thôn N, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Mỹ H trình bày:*

Bà và ông Phạm Duy Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Đầu năm 2016, bà H và ông Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q ham mê cờ bạc, quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác, sử dụng ma túy, chửi bới và đánh đập bà H, bà H khuyên bảo ông Q nhiều lần nhưng ông Q không thay đổi. Nay tình cảm yêu thương không còn nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông Q có ba con chung là cháu Phạm Duy L sinh ngày 25/4/2004; cháu Phạm Thị L1 sinh ngày 30/7/2006; cháu Phạm Lê Quỳnh Q sinh ngày 10/9/2011. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị L1; giao cháu Phạm Duy L và cháu Phạm Lê Quỳnh Q cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà H và ông Q không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày bà và ông Q không có.

** Tại Biên bản làm việc ngày 12/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Duy Q trình bày:*

Ông Q thống nhất với phần trình bày nêu trong đơn khởi kiện của bà H về việc tìm hiểu, chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại gia đình ông ở phường N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi nhưng ông và bà H chưa đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến ngày 23/10/2019 thì bà H bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Nguyên nhân do bà H có quan

hệ bất chính với người đàn ông khác, nay bà H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H nên không đồng ý giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông đồng ý giao cháu L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông nhận nuôi cháu L và cháu Q. Ông và bà H không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tống đạt các văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Mỹ H và ông Phạm Duy Q, giao cháu Phạm Thị L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Duy L và cháu Phạm Lê Quỳnh Q cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà H và ông Q không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông Q và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung ông Q và bà H không có, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Phạm Duy Q vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con với bị đơn. Trong các văn bản tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến trước phiên tòa hôm nay, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp vụ án là "Ly hôn, nuôi con chung". Tuy nhiên tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ Hh và ông Phạm Duy Q chung sống như vợ chồng từ năm 2003 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp chung sống như vợ chồng của bà H, ông Q không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thị Mỹ H và ông Phạm Duy Q.

[3] Về con chung: Bà H và ông Q thống nhất trình bày ông và bà trong quá trình chung sống có 03 người con là cháu Phạm Duy L sinh ngày 25/4/2004; cháu Phạm Thị L1 sinh ngày 30/7/2006; cháu Phạm Lê Quỳnh Q sinh ngày 10/9/2011. Ông Q đã có ý kiến trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà H thì ông đồng ý giao cháu L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông nhận nuôi cháu L và cháu Q, ông và bà H không ai cấp dưỡng nuôi con. Bà H thống nhất ý kiến này của ông Q, các cháu đã có lời trình bày tại Tòa án phù hợp với ý kiến của cha mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Giao cháu L1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, Giao cháu L và cháu Q cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q và bà H không ai cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông Q thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông Q thống nhất trình bày không có

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Mỹ H và ông Phạm Duy Q.

2. Giao cháu Phạm Thị L1 sinh ngày 30/7/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Duy L sinh ngày 25/4/2004 và cháu Phạm Lê Quỳnh Q sinh ngày 10/9/2011 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q và bà H không ai cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0005278 ngày 04/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly